

Số: 263/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phan Thị Hiền.

Thư ký phiên họp: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà **Nguyễn Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 371/2025/TLST-LĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 221/2025/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: bà B Trịnh Thị H, sinh năm 1982; thường trú: thôn M, xã H, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH P; địa chỉ: B đường số H, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu bà Trịnh Thị H trình bày:* Từ tháng 11/2003 đến tháng 04/2004 bà có làm việc tại Công ty TNHH P và có đóng bảo hiểm xã hội số: 9103118387. Nay bà Trịnh Thị H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì **Cơ quan** Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Thời gian khi bà đi làm, cũng có một người khác (bà không biết thông tin và không xác định được là ai) sử dụng hồ sơ làm việc của bà tại Công ty TNHH P, đồng thời ký hợp đồng lao động với Công ty P và tham gia bảo hiểm xã hội với tên (Trịnh Thị H) của bà từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 4 năm 2004. Bà xác định từ trước đến nay bà chưa từng cho bất kỳ ai

mượn giấy tờ, thông tin của bà để làm hồ sơ xin việc, nên bà không biết được thực tế người nào đã có thông tin của bà để tiếp tục làm tại Công ty P, nên bà không thể cung cấp hợp đồng lao động tại Công ty P vào thời gian từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 4 năm 2004 cho Tòa án được. **Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động và công ty TNHH P từ tháng 3/2003 đến tháng 4/2004 mã số bảo hiểm xã hội 7513064068 là vô hiệu.**

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Công ty TNHH P trình bày:

Công ty TNHH P được thành lập năm 2001, số lượng công nhân đông, thường dao động từ 4,500 đến 5,500 công nhân viên. Số lượng công nhân viên luân chuyển vào khoảng 40% một năm tức là một năm có khoảng từ 1.800 - 2.200 công nhân nghỉ việc và số lượng tuyển mới thay thế cũng tương đương, lượng hồ sơ cá nhân rất nhiều. Hiện nay, công nhân có tên Trịnh Thị H đã nghỉ việc. Nhà máy đã làm thủ tục chi trả các chế độ phúc lợi cho người lao động thôi việc hoàn chỉnh theo quy định.

Quan hệ lao động giữa công ty và bà H từ khâu xin việc, tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động ... đều trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa hai bên theo đúng pháp luật lao động.

Đối với các trường hợp đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu vì lý do hồ sơ cá nhân như cho, mượn, chỉnh sửa hay hồ sơ giả ... nhà máy Công ty đề nghị quý tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có sẵn trong hồ sơ vụ việc để giải quyết theo quy định của pháp luật

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH P cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Trịnh Thị H, sinh năm 1982 số CCCD 038182047777, với mã số BHXH 9103118387 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2003 đến tháng 09/2004 đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Qua kiểm tra dữ liệu, bà Trịnh Thị H còn có mã số BHXH 7513064068 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 3/2003 đến tháng 4/2004 tại Công ty TNHH P.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trịnh Thị H và Công ty TNHH P, đề nghị Tòa án Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về các yêu cầu khác của bà Trịnh Thị Hồng B1 không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem

xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trịnh Thị H, Bảo hiểm xã hội cơ sở D, Công ty TNHH P có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự xác định: từ tháng 11/2003 đến tháng 4/2004, người lao động tên Trịnh Thị H, sinh năm 1982, được Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là **9103118387**. Ngoài ra, bà H còn tham gia BHXH tại Công ty TNHH P mã số **BHXX 7513064068** từ tháng 3/2003 đến tháng 4/2004. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH P và bà H phát sinh từ hợp đồng lao động tháng **3/2003**. Đối với bà H trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH P. Trình bày của bà H phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 3/2003 đến tháng 4/2004 bà Trịnh Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P. Xét thấy, việc người lao động lấy tên bà H để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc bà Trịnh Thị H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị H và Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH P là người lao động khác, không phải là bà Trịnh Thị H1. Bà H1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sở bảo hiểm xã hội mã số 7513064068.

[4] Về lệ phí: **bà Trịnh Thị H** phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trịnh Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị H, sinh năm 1982; Số CCCD/CMND: 038182047777; thường trú: thôn M, xã H, tỉnh Nghệ An với Công ty TNHH P từ tháng 3/2003 đến tháng 4/2004, mã số BHXH 7513064068 là vô hiệu.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7513064068 không phải là bà Trịnh Thị H, sinh năm 1982; số CCCD: 038182047777. Bà Trịnh Thị H được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0024213 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Thị Hiền